

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2011**

---

**Thái Bình, tháng 08 năm 2012**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 15

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Giám đốc điều hành

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Hoàng Văn Ty**  
**Giám đốc**

*Thái Bình, ngày 10 tháng 08 năm 2012*

Số: /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 10/08/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 03 đến trang 15. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán số 143/VACO/BCKT.NV2 ngày 08/05/2012 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty. Ngày 10/08/2012, Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, đồng thời cung cấp các thông tin bổ sung và yêu cầu chúng tôi thực hiện thêm các thủ tục kiểm toán để phát hành lại báo cáo kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung và tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 143/VACO/BCKT.NV2 ngày 08/05/2012.

---

**Nguyễn Minh Hùng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012*

---

**Chữ Mạnh Hoan**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1403/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 +130 +140 +150)</b>	<b>100</b>		<b>31.300.126.820</b>	<b>1.169.586.966</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>836.309.048</b>	<b>105.097.491</b>
1. Tiền	111		836.309.048	105.097.491
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.314.717.181</b>	<b>348.352.983</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	21.314.717.181	348.352.983
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.111.123.208</b>	<b>716.136.492</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	9.111.123.208	716.136.492
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.977.383</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		37.977.383	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 +260)</b>	<b>200</b>		<b>16.539.023.571</b>	<b>6.651.896.458</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.515.546.498</b>	<b>6.604.449.970</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	6.515.546.498	6.604.449.970
- Nguyên giá	222		8.597.762.781	7.891.414.970
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.082.216.283)	(1.286.965.000)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>10.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.000.000.000	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.477.073</b>	<b>47.446.488</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		23.477.073	47.446.488
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>47.839.150.391</b>	<b>7.821.483.424</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>10.884.277.481</b>	<b>5.299.319.314</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.884.277.481</b>	<b>4.463.662.446</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	2.876.856.701	890.592.957
2. Phải trả người bán	312	11	4.979.877.879	3.054.196.703
3. Người mua trả tiền trước	313	12	536.183.498	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.391.947.713	518.872.786
5. Chi phí phải trả	316		89.765.475	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		9.646.215	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>835.656.868</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	835.656.868
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 =410)</b>	<b>400</b>		<b>36.954.872.910</b>	<b>2.522.164.110</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>36.954.872.910</b>	<b>2.522.164.110</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	2.505.850.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.954.872.910	16.314.110
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>47.839.150.391</b>	<b>7.821.483.424</b>

Hoàng Văn Ty  
Giám đốc  
Thái Bình, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Vũ Thị Hằng  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**MẪU B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Từ 17/12/2010 đến 31/12/2010</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>15</b>	<b>44.827.954.434</b>	<b>928.097.947</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (10=01-02)	<b>10</b>		<b>44.827.954.434</b>	<b>928.097.947</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	16	36.539.731.157	924.602.320
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>8.288.223.277</b>	<b>3.495.627</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	77.653.855	-
7. Chi phí tài chính	22	19	370.806.421	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		370.806.421	-
8. Chi phí bán hàng	24		4.727.981.871	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		984.988.010	-
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30=20+(21-22)-(24+25))	<b>30</b>		<b>2.282.100.830</b>	<b>3.495.627</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b> (40=31-32)	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50=30+40)	<b>50</b>		<b>2.282.100.830</b>	<b>3.495.627</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	399.367.646	873.907
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60=50-51-52)	<b>60</b>		<b>1.882.733.184</b>	<b>2.621.720</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	900	10

Hoàng Văn Ty  
Giám đốc  
Thái Bình, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Vũ Thị Hằng  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Từ 17/12/2010 đến 31/12/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>2.282.100.830</b>	<b>3.495.627</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	2		795.251.283	-
- Chi phí lãi vay	6		370.806.421	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>3.448.158.534</b>	<b>3.495.627</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(20.966.364.198)	-
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.394.986.716)	(64.280.720)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập	11		4.214.536.983	138.611.977
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(14.007.968)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(370.806.421)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1.513.465)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(873.907)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(22.083.469.786)</b>	<b>75.439.512</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(830.075.533)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.830.075.533)</b>	<b>-</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		32.494.150.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.733.000.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.582.393.124)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>33.644.756.876</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>731.211.557</b>	<b>75.439.512</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>105.097.491</b>	<b>29.657.979</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>836.309.048</b>	<b>105.097.491</b>

Hoàng Văn Ty  
Tổng Giám đốc  
Thái Bình, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Vũ Thị Hằng  
Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 14/09/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010 được đổi tên Công ty TNHH Tiến Trung thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 14/9/2011 là 35.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 38 người (tại ngày 31/12/2010 là 21 người).

**Ngành nghề kinh doanh chính**

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong kỳ này, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số liệu tính toán là hợp lý và chịu trách nhiệm về số dư hàng tồn kho sau kiểm kê trình bày trên báo cáo.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2011 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

**Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	9 -15
Máy móc thiết bị	11-12
Phương tiện vận tải	8-10

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền chi mua máy tính, máy in và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. (nếu có và lãi suất tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	832.455.982	103.584.227
Tiền gửi ngân hàng	3.853.066	1.513.264
	<b>836.309.048</b>	<b>105.097.491</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Thùy Trung	182.600.000	348.352.983
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Giang	1.755.229.956	-
Công ty TNHH Long Triều	1.501.100.003	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Tây Sơn	236.044.215	-
Công ty TNHH Phát triển Xây dựng T & H	15.443.610.826	-
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng XD Thái Bình	1.516.008.903	-
Khác	680.123.278	-
	<b>21.314.717.181</b>	<b>348.352.983</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.597.803.442	582.629.030
Công cụ, dụng cụ	-	15.283.886
Hàng hóa	6.513.319.766	118.223.576
	<b>9.111.123.208</b>	<b>716.136.492</b>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	1.077.549.133	2.505.238.096	4.308.627.741	7.891.414.970
- Mua trong năm	-	-	830.075.533	830.075.533
- Giảm khác	-	-	(123.727.722)	(123.727.722)
Tại ngày 31/12/2011	<b>1.077.549.133</b>	<b>2.505.238.096</b>	<b>5.014.975.552</b>	<b>8.597.762.781</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Tại ngày 01/01/2011	359.765.000	402.500.000	524.700.000	1.286.965.000
- Khấu hao trong năm	84.833.925	206.391.308	504.026.050	795.251.283
Tại ngày 31/12/2011	<b>444.598.925</b>	<b>608.891.308</b>	<b>1.028.726.050</b>	<b>2.082.216.283</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2011	717.784.133	2.102.738.096	3.783.927.741	6.604.449.970
Tại ngày 31/12/2011	<b>632.950.208</b>	<b>1.896.346.788</b>	<b>3.986.249.502</b>	<b>6.515.546.498</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Góp vốn liên doanh Công ty Hải Lâm (*)	10.000.000.000	-
	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>

Ghi chú: (\*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của cổ đông số 01/HDCN-CT ngày 01/07/2011 và Quyết định số 09/2011 ngày 01/7/2011, Công ty quyết định góp cổ phần vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Lâm với số vốn góp là 10.000.000.000 đồng, chiếm 25% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Lâm.

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Mỹ Hòa tại Cụm Công nghiệp Phong Mỹ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Quyết định số 208/UBND-ĐT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời gian triển khai dự án từ tháng 05/2011 đến tháng 03/2013. Do đó, mặc dù báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Lâm năm 2011 lỗ là 503.000.016 đồng (lỗ lũy kế là 505.969.830 đồng), tuy nhiên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư dài hạn này trên Báo cáo tài chính năm 2011 do đây là lỗ kinh doanh theo kế hoạch.

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn:		
Ông Hoàng Anh Quyết	2.500.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả:		
Ông Hoàng Văn Ty	376.856.701	890.592.957
	<b>2.876.856.701</b>	<b>890.592.957</b>

Vay ngắn hạn là khoản vay của ông Hoàng Anh Quyết theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 06-2011/HĐVT ngày 12/12/2011. Số tiền cho vay là 2.500.000.000 đồng. Thời hạn vay 1 tháng từ ngày 12/12/2011 đến ngày 12/01/2012. Lãi suất vay là 13,5%/năm được tính từ ngày nhận tiền vay. Tiền lãi trả hàng tháng vào ngày thứ 30 tính từ ngày vay, lãi trả chậm phạt là 1,5%/tháng.

Nợ dài hạn đến hạn trả là khoản vay ông Hoàng Văn Ty theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 05/HĐVT - 01042010 ngày 01/04/2010 với số tiền cho vay là 1.120.000.000 đồng, thời hạn vay 21 tháng kể từ ngày 01/04/2010 đến hết ngày 31/12/2011. Lãi suất cho vay là 19%/năm kể từ ngày nhận tiền vay. Số nợ gốc còn phải trả đến thời điểm 31/12/2011 là 376.856.701 đồng.

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Hoàng Nam	804.718.379	218.576.129
Nguyễn Thị Huệ	2.954.080.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và TM Phương Trang	330.000.000	-
Công ty TNHH Trung Nghĩa	354.500.000	-
Trần Văn Tú	90.919.000	310.919.000
Công ty Cổ phần Thương mại tổng hợp Việt Hà	445.660.500	-
Khác	-	2.524.701.574
	<b>4.979.877.879</b>	<b>3.054.196.703</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	16.186.000	-
Công ty TNHH MTV Trung Thành	380.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng Thành An	40.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao Sơn	99.997.498	-
	<b>536.183.498</b>	<b>-</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.040.535.975	511.003.078
Thuế thu nhập doanh nghiệp	351.411.738	7.869.708
	<b>2.391.947.713</b>	<b>518.872.786</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư ngày 17/12/2010</b>	<b>2.505.850.000</b>	<b>13.692.390</b>	<b>2.519.542.390</b>
- Tăng vốn trong năm	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	2.621.720	2.621.720
<b>Số dư ngày 31/12/2010</b>	<b>2.505.850.000</b>	<b>16.314.110</b>	<b>2.522.164.110</b>
- Tăng vốn trong năm	32.494.150.000	-	32.494.150.000
- Lãi kinh doanh trong năm	-	1.882.733.184	1.882.733.184
- Tăng khác (*)	-	55.825.616	55.825.616
<b>Số dư ngày 31/12/2011</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>1.954.872.910</b>	<b>36.954.872.910</b>

Ghi chú: (\*) Là điều chỉnh tăng lợi nhuận do hạch toán nhầm tiền thuế phải nộp từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 14/09/2011, vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2011, vốn điều lệ đã được các thành viên góp đủ như sau:

	<b>Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5</b>		<b>Vốn đã góp</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoàng Văn Ty	14.700.000.000	42%	14.700.000.000	1.844.200.000
Nguyễn Tuyết Nhung	11.550.000.000	33%	11.550.000.000	-
Nguyễn Thị Mến	5.600.000.000	16%	5.600.000.000	661.650.000
Đặng Ngọc Thông	1.575.000.000	5%	1.575.000.000	-
Hoàng Thị Kim	1.575.000.000	5%	1.575.000.000	-
	<b>35.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>2.505.850.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Từ 17/12/2010 đến 31/12/2010
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>44.827.954.434</b>	<b>928.097.947</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	29.059.714.931	928.097.947
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.768.239.503	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>44.827.954.434</b>	<b>928.097.947</b>

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2011	Từ 17/12/2010 đến 31/12/2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.192.790.440	924.602.320
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.346.940.717	-
	<b>36.539.731.157</b>	<b>924.602.320</b>

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2011
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.218.963.010
Chi phí nhân công	1.378.800.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	590.913.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.461.249.933
Chi phí khác bằng tiền	309.721.880
<b>Cộng</b>	<b>5.959.648.369</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Từ 17/12/2010 đến 31/12/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	77.653.855	-
	<b>77.653.855</b>	<b>-</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Từ 17/12/2010 đến 31/12/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	370.806.421	-
	<b>370.806.421</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2011	Từ 17/12/2010 đến 31/12/2010
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.282.100.830</b>	<b>3.495.627</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.282.100.830</b>	<b>3.495.627</b>
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	570.525.208	873.907
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(171.157.562)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>399.367.646</b>	<b>873.907</b>

Ghi chú: (\*) Trong năm 2011, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính.

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2011	Từ 17/12/2010 đến 31/12/2010
	VND	VND
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.882.733.184</b>	<b>2.621.720</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	2.091.103	268.484
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>900</b>	<b>10</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

*Số dư với các bên liên quan:*

	Năm 2011	Từ 17/12/2010 đến 31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn:		
<i>Ông Hoàng Anh Quyết</i>	2.500.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả:		
<i>Ông Hoàng Văn Ty</i>	376.856.701	890.592.957
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Từ 17/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>đến 31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương	90.000.000	92.600.000
	<b>90.000.000</b>	<b>92.600.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty không phát sinh sự kiện sau ngày khóa sổ nào có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 17/12/2010 đến ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung đã được kiểm toán. Riêng báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ số liệu so sánh chỉ có ý nghĩa tham khảo, không thể so sánh với kỳ hoạt động chỉ có 14 ngày.

---

**Hoàng Văn Ty**  
**Tổng Giám đốc**  
*Thái Bình, ngày 10 tháng 08 năm 2012*

---

**Vũ Thị Hằng**  
**Kế toán trưởng**